

Số: /QĐ-CĐS

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Công bố công khai dự toán điều chỉnh ngân sách năm 2024 của Cục Chuyên đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường

#### CỤC TRƯỞNG CỤC CHUYÊN ĐỔI SỐ VÀ THÔNG TIN DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4199/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Các Quyết định về việc giao, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 số: 662/QĐ-BTNMT ngày 15 tháng 3 năm 2024; số 1762/QĐ-BTNMT ngày 28/6/2024; số 2279/QĐ-BTNMT ngày 15/8/2024; số 3436/QĐ-BTNMT ngày 28/10/2024; số 4348/QĐ-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của Cục Chuyên đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường (chi tiết tại Biểu 01 đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị dự toán cấp III trực thuộc Cục chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CỤC TRƯỞNG

#### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Vụ KH-TC;
- Công TTĐT Bộ TNMT (để công khai);
- Văn phòng Cục (để công khai);
- Lưu: VT, KHTC.

Lê Phú Hà

## BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BIỂU 01

Đơn vị: Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường

Chương: 026

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO BỔ SUNG VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CDS ngày /01/2025 của Cục trưởng Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó					
				Văn phòng	Trung tâm Công nghệ phần mềm và Nền tảng số	Trung tâm Thông tin, lưu trữ và Thư viện tài nguyên môi trường quốc gia	Trung tâm Cơ sở hạ tầng và Bảo đảm an toàn thông tin	Trung tâm Ứng dụng công nghệ thông tin và Dữ liệu phía Nam	Trung tâm Kiểm định sản phẩm công nghệ thông tin
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>38.533</b>	<b>38.533</b>	<b>8.851</b>	<b>8.087</b>	<b>9.474</b>	<b>9.488</b>	<b>975</b>	<b>1.658</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>8.551</b>	<b>8.551</b>	<b>8.551</b>	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.328	8.328	8.328					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	223	223	223					
<b>2</b>	<b>Nghiên cứu khoa học</b>	<b>4.665</b>	<b>4.665</b>	-	<b>1.551</b>	<b>1.666</b>	<b>163</b>	-	<b>1.285</b>
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	3.746	3.746	-	1.551	921	-	-	1.274
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	3.746	3.746		1.551	921			1.274
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	-	-						

2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-	-						
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	919	919			745	163		11
<b>3</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	<b>25.211</b>	<b>25.211</b>	<b>300</b>	<b>6.536</b>	<b>7.808</b>	<b>9.325</b>	<b>975</b>	<b>267</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	25.211	25.211	300	6.536	7.808	9.325	975	267
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	<b>106</b>	<b>106</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>106</b>
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-						
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	106	106						106